

THÔNG TƯ

**Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo,
đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo
trình độ đại học, trình độ cao đẳng**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng, như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đại học, các học viện, trường đại học, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được xem xét để mở ngành đào tạo trình độ đại học

Các đại học, học viện, trường đại học được xem xét để mở ngành đào tạo trình độ đại học khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành đăng ký.

2. Có chương trình đào tạo của ngành đăng ký đào tạo và đề cương chi tiết các học phần/môn học trong chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

Tên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học, cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học, các học viện, trường đại học phải trình bày luận cứ khoa học về ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của ít nhất 2 trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài.

3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo trình độ đại học, cụ thể:

a) Có phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo;

b) Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần/môn học, các tài liệu liên quan, có tạp chí trong và ngoài nước được xuất bản trong 10 năm trở lại đây đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo;

c) Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hoá và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên;

d) Website của trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

4. Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường bảo đảm triển khai ngành đào tạo.

5. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo.

6. Ngành đăng ký đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng và quốc gia.

Điều 3. Điều kiện được xem xét để mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng

1. Trường cao đẳng được xem xét để mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 4 giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành đăng ký;

b) Có chương trình đào tạo của ngành đăng ký đào tạo và đề cương chi tiết các học phần/môn học trong chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

Tên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học, cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, trường cao đẳng phải trình bày luận cứ khoa học về ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của ít nhất 02 trường đại học hoặc trường cao đẳng đã được kiểm định ở nước ngoài;

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo trình độ cao đẳng, cụ thể:

- Có đủ giảng đường, phòng học, phòng chức năng, cơ sở thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phần/môn học trong chương trình đào tạo;

- Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần, các tài liệu liên quan; có tạp chí trong và ngoài nước được xuất bản trong 10 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo;

- Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hoá và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên; phòng làm việc cho giảng viên, cán bộ của trường để phục vụ công tác quản lý, đào tạo;

- Website của trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính;

d) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường đảm bảo triển khai ngành đào tạo;

đ) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo;

e) Ngành đăng ký đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của vùng và địa phương.

2. Trường đại học, học viện được mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng khi ngành đó đã được mở ngành ở trình độ đại học theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc theo quyết định của Giám đốc các đại học đối với các đại học được phân cấp theo Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng khi cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này. Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng trong những trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

2. Đối với các đại học được Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo phân cấp theo Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005, Giám đốc các đại học được quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng khi cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

Khi có đủ các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này, cơ sở đào tạo xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm:

1. Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo (Phụ lục I).

2. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng (Phụ lục II), bao gồm các nội dung: Sự cần thiết mở ngành đào tạo; năng lực của cơ sở đào tạo; chương trình đào tạo của ngành đăng ký đào tạo; lý lịch khoa học và các tài liệu, minh chứng kèm theo.

3. Biên bản thông qua đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo.

4. Biên bản kiểm tra và xác nhận các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành đăng ký đào tạo của sở giáo dục và đào tạo địa phương (Phụ lục VI).

5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đối với cơ sở đào tạo được phép tự thẩm định chương trình đào tạo hoặc của một cơ sở đào tạo có uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định đối với cơ sở đào tạo không được phép tự thẩm định chương trình đào tạo (Phụ lục VII).

Hồ sơ được lập thành 3 bộ.

Điều 6. Quy trình xem xét mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Cơ sở đào tạo gửi 03 bộ hồ sơ đến sở giáo dục và đào tạo, nơi trường đặt trụ sở đề nghị kiểm tra thực tế và xác nhận các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện của cơ sở đào tạo. Đồng thời, gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự thẩm định chương trình đào tạo (Phụ lục VIII) hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín thẩm định chương trình đào tạo.

2. Kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo của ngành đăng ký đào tạo

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: 01 đại diện Ban giám đốc sở (Trưởng đoàn), 01 đại diện lãnh đạo phòng Tổ chức cán bộ và 1 chuyên viên (làm nhiệm vụ thư ký).

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều kiện thực tế như: bảng lương của trường, sổ bảo hiểm của giảng viên, văn bằng, chứng chỉ của giảng viên, trang thiết bị, thư viện và lập biên bản kiểm tra (Phụ lục VI).

b) Căn cứ vào biên bản kiểm tra, giám đốc sở giáo dục và đào tạo xác nhận thực trạng vào các bảng biểu báo cáo về năng lực của cơ sở đào tạo (Phụ lục III) trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo được phép tự thẩm định chương trình đào tạo

a) Cơ sở đào tạo được phép tự thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã thành lập được trên 5 năm và có ít nhất 1 khóa sinh viên chính quy đã tốt nghiệp;

- Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học.

b) Cơ sở đào tạo được phép tự thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã thành lập được trên 5 năm và có ít nhất 1 khóa sinh viên chính quy đã tốt nghiệp;

- Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 giảng viên có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng;

4. Các cơ sở đào tạo không được phép tự thẩm định chương trình đào tạo khi:

a) Không bảo đảm đủ các điều kiện ở khoản 2 Điều này;

b) Khi đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng những ngành chưa có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV;

c) Đã có vi phạm trong quá trình tự thẩm định chương trình đào tạo.

Các cơ sở này gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín để thẩm định chương trình đào tạo.

5. Cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng cho cơ sở đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cơ sở đào tạo được chỉ định thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học:

- Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Đang triển khai đào tạo trình độ đại học ngành cần thẩm định và có ít nhất 5 khóa sinh viên hệ chính quy của ngành cần thẩm định đã tốt nghiệp. Trong trường hợp ngành chưa có trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV thì Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín đã đào tạo các ngành trong cùng khối ngành để thẩm định chương trình đào tạo.

b) Cơ sở đào tạo được chỉ định thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng:

- Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 giảng viên có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng;

- Đang triển khai đào tạo trình độ cao đẳng ngành cần thẩm định và có ít nhất 5 khóa sinh viên của ngành cần thẩm định đã tốt nghiệp. Trong trường hợp

ngành chưa có trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV thì Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín đã đào tạo các ngành trong cùng khối ngành để thẩm định chương trình đào tạo.

6. Quy trình thẩm định chương trình đào tạo

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín để thẩm định chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo tiến hành thực hiện các công việc sau:

a) Nếu cơ sở đào tạo được phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở mình.

b) Nếu các cơ sở đào tạo không được phép tự tổ chức thẩm định, sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo gửi 5 bộ chương trình đào tạo đến cơ sở đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định để thẩm định chương trình đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ gửi công văn chỉ định cơ sở đào tạo làm nhiệm vụ thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo khác và nhận được chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo.

c) Hội đồng thẩm định

- Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học gồm 5 thành viên, có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ thuộc ngành đăng ký mở ngành đào tạo. Hội đồng thẩm định gồm chủ tịch, hai phản biện, thư ký và ủy viên.

- Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng gồm 5 thành viên, các thành viên phải có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 thành viên có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng. Hội đồng thẩm định gồm chủ tịch, hai phản biện, thư ký và ủy viên, trong đó chủ tịch Hội đồng là người có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư.

d) Nội dung và cách thức tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này.

Sau khi nghe đại diện của cơ sở đào tạo có ngành cần thẩm định trình bày báo cáo, các thành viên hội đồng đặt câu hỏi, cơ sở đào tạo giải trình, các thành viên hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín. Hội đồng thẩm định lập biên bản thẩm định.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo làm nhiệm vụ thẩm định xác nhận vào biên bản của Hội đồng thẩm định (Phụ lục VII) và vào chương trình đào tạo (Phụ lục IV) trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của cơ sở đào tạo.

7. Kinh phí để sở giáo dục và đào tạo thực hiện kiểm tra và kinh phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định do cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo chi trả theo quy định hiện hành.

8. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này, cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng gửi Hồ sơ đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Việc xem xét hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng được thực hiện vào tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 hàng năm.

b) Nếu hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện và đạt yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

c) Nếu hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kết quả thẩm định và những nội dung cần hoàn thiện. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở đào tạo, nếu cơ sở đào tạo đáp ứng các điều kiện theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

d) Nếu hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định, tình trạng hồ sơ và đề nghị cơ sở đào tạo tiếp tục chuẩn bị các điều kiện.

9. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức thanh tra, kiểm tra, thẩm định lại tại cơ sở đào tạo.

Điều 7. Đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Cơ sở đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này;

b) Không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp;

c) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm được phép đào tạo;

- d) Người cho phép mở ngành không đúng thẩm quyền;
- đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Người có thẩm quyền cho phép mở ngành đào tạo có thẩm quyền quyết định đình chỉ tuyển sinh. Quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo phải xác định rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, quy định rõ thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể bảo đảm quyền lợi của sinh viên và giảng viên.

3. Trình tự, thủ tục đình chỉ tuyển sinh hoặc cho phép tuyển sinh trở lại:

a) Khi phát hiện cơ sở đào tạo vi phạm một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá mức độ vi phạm;

b) Căn cứ vào mức độ vi phạm của cơ sở đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo;

c) Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục và có hồ sơ đề nghị được tuyển sinh trở lại của cơ sở đào tạo thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ tuyển sinh ra quyết định cho phép cơ sở đào tạo được tuyển sinh trở lại. Trong trường hợp chưa cho phép tuyển sinh trở lại, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo biết rõ lý do và hướng giải quyết;

d) Hồ sơ đề nghị được phép tuyển sinh trở lại, bao gồm:

- Tờ trình cho phép tuyển sinh trở lại;
- Báo cáo giải trình việc khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, kèm theo các minh chứng.

Điều 8. Thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi quyết định mở ngành đào tạo khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức, đào tạo tại cơ sở đào tạo;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh;

d) Không đạt tiêu chuẩn tại các kỳ kiểm định chất lượng (kiểm định cơ sở đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải thu hồi;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thu hồi quyết định mở ngành đào tạo phải xác định rõ lý do thu hồi, các biện pháp đảm bảo quyền lợi của sinh viên, giảng viên.

3. Người có thẩm quyền mở ngành đào tạo có thẩm quyền thu hồi quyết định mở ngành đào tạo.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi quyết định mở ngành đào tạo:

a) Khi cơ sở đào tạo vi phạm một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá mức độ vi phạm;

b) Căn cứ vào mức độ vi phạm, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thu hồi quyết định mở ngành đào tạo.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền của sở giáo dục và đào tạo

1. Tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện khi các cơ sở đào tạo đề nghị.

2. Được quyền xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến đội ngũ giảng viên, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện của cơ sở đào tạo và được quyền yêu cầu cơ sở đào tạo cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan.

3. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và tính chính xác của các kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo.

4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về kết quả kiểm tra các điều kiện thực tế của các cơ sở đào tạo.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Các cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng có trách nhiệm:

a) Đảm bảo tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin khi đoàn kiểm tra yêu cầu;

c) Tổ chức tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo các ngành trình độ đại học, trình độ cao đẳng của cơ sở đào tạo;

d) Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về các điều kiện bảo đảm chất lượng cho hoạt động đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của cơ sở mình.

2. Các cơ sở đào tạo được phép tự thẩm định chương trình đào tạo có trách nhiệm thực hiện thẩm định chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này. Nếu trong quá trình thẩm định vi phạm các quy định tại Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ định một cơ sở đào tạo khác thẩm định lại chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đó.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của cơ sở đào tạo được chỉ định thẩm định chương trình đào tạo

1. Thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của các cơ sở đào tạo theo quy định tại Thông tư này khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định.

2. Được quyền xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc xây dựng chương trình đào tạo và được quyền yêu cầu cơ sở đào tạo cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan.

3. Thực hiện thẩm định khách quan, trung thực. Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định chương trình đào tạo.

4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về kết quả thẩm định chương trình đào tạo.

5. Nếu trong quá trình thẩm định, cơ sở đào tạo được chỉ định thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở khác vi phạm các quy định tại Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc giao nhiệm vụ thẩm định chương trình đào tạo.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Vụ Giáo dục Đại học chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo và các đơn vị liên quan:

1. Tổ chức xem xét hồ sơ và các điều kiện đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của các cơ sở đào tạo.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo ngành trình độ đại học, trình độ cao đẳng theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm tra và xác nhận của các sở giáo dục và đào tạo, việc thẩm định chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định hoặc tự thẩm định chương trình đào tạo.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2011.

2. Bãi bỏ Điều 17 Điều lệ trường cao đẳng, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

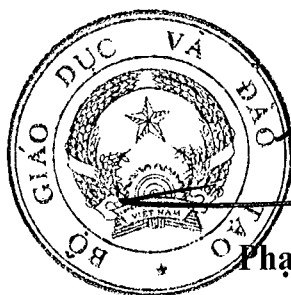
Điều 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBVHGDTNTN& NĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Như Điều 14 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Vũ Luận
Phạm Vũ Luận

Phụ lục I

TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT- BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Mã số:

Trình độ đào tạo:.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

- Trình bày kết quả các nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học/cao đẳng của ngành đăng ký mở đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, tỉnh/thành phố, khu vực nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở.

- Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

2. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

- Năm thành lập, quá trình xây dựng và phát triển

- Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

- Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

- Số khóa và số sinh viên đã tốt nghiệp, tỷ lệ sinh tốt nghiệp có việc

làm

- Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện, giáo

trình

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

- Ghi rõ tên ngành đào tạo đăng ký mở, tên chương trình đào tạo, trình độ đào tạo (cao đẳng hay đại học).

Nếu sử dụng chương trình của một trường đại học khác, cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

Nếu sử dụng chương trình của nước ngoài (kể cả trường hợp ngành đăng ký đào tạo đã có trong Danh mục) cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, nước nào và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường nước ngoài; khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

- Tóm tắt về chương trình đào tạo: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số đơn vị học trình hoặc tín chỉ), thời gian đào tạo.

- Tóm tắt khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu...

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành đăng ký đào tạo.

- Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo

4. Kết luận và đề nghị

- Trường cần khẳng định việc đầu tư để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với những ngành đăng ký mở.

- Cần khẳng định toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang web của cơ sở đào tạo tại địa chỉ: <http://www....>

- Đề nghị:...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Nơi nhận:

-

-

- Lưu:...

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II
MẪU ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
- Mã số:
- Tên cơ sở đào tạo:
- Trình độ đào tạo:

Phần 1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

- Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo

- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học, trình độ cao đẳng của ngành đăng ký đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thành phố, vùng nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở. Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

- Kết quả đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng đối với những ngành đang đào tạo của cơ sở đào tạo (nếu có);

- Giới thiệu về Khoa sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành đăng ký đào tạo.

- Lý do đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

Phần 2. Năng lực của cơ sở đào tạo

Cơ sở đào tạo so sánh với các điều kiện ở Điều 2, Điều 3 của Thông tư này tự đánh giá năng lực của mình về:

1. Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên cơ hữu (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ), mẫu 1 Phụ lục III.

- Kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu, mẫu 2 Phụ lục III.

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

- Phòng học, giảng đường, mẫu 3 Phụ lục III.

- Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, mẫu 4 Phụ lục III

- Thiết bị phục vụ đào tạo, mẫu 4 Phụ lục III.

- Thư viện, giáo trình, sách, mẫu 5 và mẫu 6 Phụ lục III.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Phần 3. Chương trình và kế hoạch đào tạo

- Chương trình đào tạo trình bày theo quy định ở Phụ lục IV.
- Dự kiến kế hoạch đào tạo
- Dự kiến mức học phí/người học/năm

Phụ lục: Các tài liệu và minh chứng kèm theo

- Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo, biên bản kiểm tra của sở giáo dục và đào tạo, biên bản của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

- Dự thảo quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng (đối với ngành đầu tiên đăng ký mở ngành đào tạo) của cơ sở đào tạo.

- Lý lịch khoa học của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ (mẫu Phụ lục V)

Lưu ý: Đề án được xây dựng trên cơ sở kết quả các nghiên cứu khảo sát về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ở địa phương, vùng, quốc gia đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, tỉnh, thành phố nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở và tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.



Phụ lục III

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT- BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Các biểu mẫu dưới đây dùng để kê khai năng lực của cơ sở đào tạo, được sử dụng khi đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

1. Đội ngũ giảng viên

Mẫu 1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm.....
Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chỉ phân công mỗi giảng viên cơ hữu đảm nhiệm 1 môn học/học phần

Mẫu 2. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm.....
Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

2. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị
Mẫu 3. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1						
2						
3						
...						

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm....
 Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 4. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1			-		
			-		
			-		
2			-		
			-		
			-		
3			-		
			-		
			-		
...					

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm....
 Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: m² trong đó diện tích phòng đọc: m²
- Số chỗ ngồi: ... ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: ...

- Phần mềm quản lý thư viện:

- Thư viện điện tử (có/không; đã kết nối được với CSĐT nào trong nước, ngoài nước; việc tra cứu của giảng viên, sinh viên trong toàn trường? ...; Số lượng sách, giáo trình điện tử:...

b) Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Mẫu 5. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1						
2						
...						

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm.....

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1					
2					
...					

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm.....

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT- BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BỘ, NGÀNH:.....

TÊN TRƯỜNG:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm... của Hiệu trưởng/
Giám đốc)

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo:

Ngành đào tạo:Mã số:

Loại hình đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,
trình độ Ngoại ngữ, Tin học,...

2. Thời gian đào tạo

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị học trình hoặc tín chỉ)

4. Đối tượng tuyển sinh

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6. Thang điểm

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1. Lý luận chính trị

7.1.2. Khoa học xã hội:

- Bắt buộc

- Tự chọn

7.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật

- Bắt buộc

- Tự chọn

7.1.4. Ngoại ngữ

7.1.5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường

- Tự chọn

- Bắt buộc

7.1.6. Giáo dục thể chất

7.1.7. Giáo dục quốc phòng- an ninh

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành)

7.2.2 Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất)

7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc phải có)

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (không bắt buộc phải có; được chọn tự do hoặc chọn theo từng chuyên ngành)

- Bắt buộc
- Tự chọn

7.2.3 Kiến thức ngành thứ hai (không bắt buộc phải có, được chọn dưới dạng ngành phụ hoặc ngành chính thứ hai)

- Bắt buộc
- Tự chọn

7.2.4 Kiến thức bổ trợ tự do (không bắt buộc phải có)

7.2.5 Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (chỉ bắt buộc đối với các chương trình đào tạo giáo viên phổ thông và giáo viên dạy nghề)

- Bắt buộc
- Tự chọn

7.2.6 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Mỗi học phần/môn học được liệt kê ở bảng danh mục các học phần/môn học trong chương trình đào tạo, các học phần/môn học đều phải có đề cương học phần/môn học trình bày theo trình tự sau:

- Tên học phần/môn học, tổng tín chỉ TC/ĐVHT (số TC/ĐVHT lý thuyết, số TC/ĐVHT thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận)

Ví dụ: Nguyên lý dịch tễ học 3(2,1) có nghĩa tổng khối lượng môn học là 3 tín chỉ/ĐVHT; lý thuyết 2 TC/ĐVHT; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận 1 TC/ĐVHT.

- Bộ môn phụ trách giảng dạy.

- Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo.

- Mục tiêu học phần/môn học: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó (về mặt lý thuyết, thực hành). Cách thức xây dựng như chuẩn đầu ra.

- Nội dung học phần/môn học: trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận). Để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu.

- Phần tài liệu tham khảo: ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến học phần/môn học.

- Phương pháp đánh giá học phần/môn học, trong đó quy định số lần kiểm tra, bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo thẩm định
chương trình đào tạo**

(ký tên, đóng dấu)

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đăng ký
mở ngành đào tạo**

(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện chương trình, cứ 2 năm/1 lần cơ sở đào tạo điều chỉnh, bổ sung các học phần/môn học trong chương trình đào tạo của cơ sở mình. Mỗi lần điều chỉnh, bổ sung các học phần/môn học trong chương trình đào tạo phải được hội đồng khoa học - đào tạo của cơ sở thông qua và phải lưu giữ hồ sơ tại phòng đào tạo của cơ sở và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phụ lục VI
BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN
(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

Hôm nay, vào lúc... ngày....tháng.....năm ..., tại trường....., Đoàn công tác của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh:..... đã kiểm tra thực tế các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo của ngành trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học/trình độ cao đẳng của trường:....., cụ thể như sau:

I. Thành phần làm việc:

A. Đoàn công tác của sở giáo dục và đào tạo:

- 1.
- 2.
- 3.

B. Đại diện trường:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

.....

II. Nội dung làm việc

1. Trường báo cáo tóm tắt các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo của ngành , trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học/trình độ cao đẳng.

2. Đoàn kiểm tra thực tế theo các nội dung sau:

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đã đăng ký trong Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1						
2						
...						

b) Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1					
2					
...					

c) Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)		
1									
2									
...									

d) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1			-				
2			-				
...							

đ) Thư viện

- Diện tích thư viện: m²; Diện tích phòng đọc: m²
- Số chỗ ngồi: ... ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: ...
- Phần mềm quản lý thư viện:
- Thư viện điện tử: ; Số lượng sách, giáo trình điện tử:...

Nhận xét của Đoàn kiểm tra:

e) Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1								
2								
...								

g) Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1							
2							
...							

3. Ý kiến của đoàn kiểm tra

4. Giải trình của nhà trường

5. Kết luận của Đoàn kiểm tra

Biên bản làm tại trường lúc..... ngày ... tháng năm 20....

....., ngày..... tháng năm....

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: - Biên bản kiểm tra phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Trưởng đoàn kiểm tra và của Thủ trưởng cơ sở đào tạo, đóng dấu của sở giáo dục và đào tạo và của cơ sở đào tạo. Biên bản kiểm tra được lập thành 04 bản. Sở giáo dục và đào tạo lưu 01 bản; cơ sở đào tạo lưu 01 bản và gửi 02 bản kèm theo 02 bộ hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo.

- Sau khi cơ sở đào tạo chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Đoàn kiểm tra, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ký, đóng dấu vào các biểu mẫu ở phụ lục III kèm theo Thông tư này.

Phụ lục VII
MẪU BIÊN BẢN VÀ PHIẾU THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

1. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo các nội dung sau:

- Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo;
- Mục tiêu của chương trình đào tạo;
- Cấu trúc chương trình đào tạo;
- Thời lượng của chương trình đào tạo;
- Nội dung của chương trình đào tạo: đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước;
- Đề cương chi tiết của học phần/môn học: mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

2. Các bước tiến hành

a) Đơn vị chủ trì xây dựng hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng trình bày tóm tắt các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương môn học/học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

b) Hai thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định đọc nhận xét và đặt câu hỏi.

Các thành viên của Hội đồng thẩm định đặt câu hỏi.

c) Đại diện cơ sở đào tạo trả lời và giải trình.

d) Chương trình đào tạo được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên ghi ý kiến của mình vào phiếu thẩm định, trong đó cần khẳng định chương trình đào tạo đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa). Phiếu trắng được coi là phiếu không thông qua. Chương trình được coi là đạt yêu cầu khi có 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.

e) Kết luận của Hội đồng thẩm định

Toàn bộ diễn biến của phiên họp phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời, trong đó ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên có mặt trong buổi thẩm định.

Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và thư ký Hội đồng.

Biên bản thẩm định được lập thành 04 bản. Cơ sở đào tạo nơi thành lập hội đồng thẩm định lưu 01 bản, gửi cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định 03 bản (lưu 01 bản và 02 bản kèm theo hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo).

3. Mẫu biên bản thẩm định chương trình đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, vào lúc... ngày....tháng.....năm 20....., tại
Hội đồng thẩm định định Chương trình đào tạo trình độngành
.....của trườngđã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

II. Nội dung

1. Trường báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học/ trình độ cao đẳng ngành....

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các phản biện đọc nhận xét

- Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi

3. Trả lời của cơ sở đào tạo trả lời các câu hỏi đã được nêu

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả

Kết quả: Số phiếu đạt:

Số phiếu không đạt:

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20...

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

II. Mẫu phiếu thẩm định

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO trình độ đại học, trình độ cao đẳng

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Ngành đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo		
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
3	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ): - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; - Thời lượng của từng học phần; - ...		
4	Thời lượng của chương trình đào tạo		
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước)		
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)		

Những ý kiến khác

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,) ...

Thành viên Hội đồng thẩm định
(ký tên)



Phụ lục VIII

**CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC PHÉP TỰ THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT- BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

“V/v đề nghị được phép tự thẩm định
chương trình đào tạo trình độ...”

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Giới thiệu tóm tắt về cơ sở đào tạo: năm thành lập, quá trình xây dựng và phát triển; các ngành, trình độ đang đào tạo; số khoá đã tốt nghiệp, số sinh viên đã tốt nghiệp; đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện của cơ sở đào tạo.

2. Trường báo cáo cụ thể điều kiện đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành đăng ký mở ngành đào tạo theo biểu mẫu sau:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành
1					
2					
3					
4					
5					
...					

(Kèm theo minh chứng: văn bằng cao nhất, lý lịch khoa học, bản sao sổ bảo hiểm, bản sao bảng lương của khoa có ngành đăng ký mở ngành đào tạo)

3. Cam kết của cơ sở đào tạo về các nội dung đã kê khai ở trên và việc tổ chức thẩm định theo quy định hiện hành.

4. Nêu nguồn của các thông tin đã kê khai (các đường dẫn trên trang web của cơ sở đào tạo). Địa chỉ, website, người liên hệ.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)